

Bản án số: 01/2020/DSST.

Ngày: 09/01/2020.

Vụ: T/c hợp đồng KDTM.

NHÂN DANH
NUỐC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P – TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Quang Thái.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Dương Viết Vĩnh.

2. Ông Nguyễn Văn Hoi.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Trịnh Thị Minh Hải - Thư ký Toà án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P: Nguyễn Thu Nga.

Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 09/01/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 10/2018/TL - ST ngày 19/3/2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/QĐXX – ST ngày 06/11/2019 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng C.

Người được ủy quyền: Ông Phạm Minh Q; Chức vụ: Phó Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng C huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Địa chỉ: Tổ 2, TT. H, huyện P, tỉnh Thái Nguyên (Có mặt).

- **Bị đơn:** Hợp tác xã X, huyện P, Thái Nguyên.

Đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Đình X- Chủ nhiệm HTX (Vắng mặt).

Trú tại: Xóm T, xã Xuân P, huyện P, Thái Nguyên.

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Dương Văn B, sinh năm 1972(Có mặt).

2. Bà Lương Thị L, sinh năm 1976 (Có mặt).

3. Bà Dương Thị T, sinh năm 1965 (Có mặt).

Đều trú tại: Xóm H, xã Xuân P, huyện P, Thái Nguyên.

3. Ông Bùi Văn D(Chồng bà Dương Thị T - Vắng mặt).

Trú tại: Xóm P, xã L, huyện P, Thái Nguyên.

- Người làm chứng:

1. Ông Hồ Việt Q(Vắng mặt).

Trú tại: Xóm T, xã Xuân P, huyện P, Thái Nguyên.

2. Ông Dương Văn T, sinh năm 1962 (Có mặt).

Trú tại: Xóm H, xã Xuân P, huyện P, Thái Nguyên.

3. Chị Bùi Thị N, sinh năm 1993 (Có mặt)

Trú tại: Xóm P, xã L, huyện P, Thái Nguyên.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện và bản tự khai của phòng giao dịch Ngân hàng C huyện P: Thực hiện chính sách cho vay phát triển kinh tế, tạo việc làm mới cho người lao động theo Nghị định số 71/2005/NĐ - TTg ngày 05/4/2005 của Thủ tướng chính phủ về cho vay giải quyết việc làm. Ngày 15/10/2013 hợp tác xã (HTX) bao bì X, có dự án vay vốn Ngân hàng chính sách xã hội (NHCSXH) huyện P bằng nguồn vốn do Liên minh HTX tỉnh Thái Nguyên quản lý, để cải tạo nhà xưởng, mua máy sản xuất bao bì với tổng số tiền xin vay là 255.000.000đ. Ngày 26/11/2013 NHCSXH huyện P đã phối hợp cùng Liên minh HTX tỉnh Thái Nguyên tiến hành thẩm định dự án vay vốn của HTX bao bì X, HTX đã Dtài sản thế chấp, bảo lãnh của bên thứ ba gồm hai hộ: Bà Dương Thị T, ông Dương Văn B đứng ra bảo lãnh, thế chấp bằng GCNQSD đất cho HTX bao bì X vay vốn với NHCSXH huyện P. Ngày 19/12/2013 NHCSXH huyện P đã tiến hành ký hợp đồng tín dụng số 9000/HĐ - TD với HTX bao bì X, do ông Hồ Đình X là chủ nhiệm, đại diện cho ban chủ nhiệm HTX vay số tiền 255.000.000đ, thời hạn vay là 35 tháng, lãi suất tiền vay là 0,65%/tháng, hạn trả nợ cuối cùng ngày 20/12/2016. Khoản vay này được bảo lãnh bằng tài sản gồm nhà đất của hộ gia đình ông Dương Văn B và bà Dương Thị T; Trú tại Xóm H, xã Xuân P, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, cụ thể:

- Hộ ông Dương Văn B bảo lãnh để vay khoản tiền là 155.000.000đ, chiếm tỷ lệ 60,78% trên tổng số tiền vay là 255.000.000đ.

- Hộ bà Dương Thị T bảo lãnh để vay khoản tiền là 100.000.000đ, chiếm tỷ lệ 39,22% trên tổng số tiền vay là 255.000.000đ.

Đến ngày 16/7/2016, Hợp tác xã trả được 10.000.000đ, đến ngày 27/11/2017 HTX tháo dỡ nhà xưởng bán để trả nợ cho NHCSXH huyện P 100.000.000đ. Số tiền còn lại mà HTX còn nợ ngân hàng là 145.000.000đ tiền gốc.

Ngân hàng chính sách xã hội huyện P đã tiến hành đôn đốc với HTX bao bì X thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nhưng ông Hồ Đình Xuân, là đại diện của HTX đều vắng mặt tại địa phương. Nên việc đôn đốc trả nợ gặp rất nhiều khó khăn, ngân hàng cũng đã đôn đốc đối với bà Dương Thị T, ông Dương Văn B thực hiện việc nghĩa vụ trả nợ, nhưng bà Tiến, ông B đều có thái độ không hợp tác thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, thế chấp để trả nợ, thu hồi vốn cho nhà nước. Nay NHCSXH huyện P đề nghị Tòa án giải quyết xét xử, buộc HTX bao bì X cùng với hai hộ D tài sản đứng ra thế chấp bảo lãnh, trả số nợ trên cho NHCSXH huyện P số tiền gốc là 145.000.000đ và lãi suất theo hợp đồng đã ký kết giữa ngân hàng với bên vay và bên đứng ra bảo lãnh.

- **Theo bà Dương Thị T khai:** Do anh ruột của bà là ông Dương Văn T, sinh năm 1962; trú tại: Xóm H, xã Xuân P, huyện P, có vào gia đình bà đặt vấn đề bảo lãnh cho anh Tiền vay tiền, còn anh Tiền vay tiền để làm gì thì bà không nắm được. Sau đó bà có đưa GCNQSD đất của gia đình bà cho anh Tiền, đến ngày 26/11/2013 có anh Trần Nhật L và chị Nguyễn Thị H, là cán bộ của Ngân hàng chính sách xã hội huyện P đến gia đình bà lập biên bản xác định giá trị tài sản bảo đảm cho khoản vay của HTX bao bì X. Tài sản bảo đảm cho khoản vay nợ gồm 01 nhà xây cấp 4, diện tích 60m²; 04 thửa đất tại GCNQSD đất số W 946554 ngày 27/12/2002 tên hộ ông (bà) Dương Thị T. Ngày hôm đó bà có ký vào đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ghi ngày 23/12/2013 với cán bộ Ngân hàng chính sách. Việc bà cho ông Tiền mượn GCNQSD đất là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, vì ông Tiền là anh ruột của bà mượn GCNQSD đất thì bà mới cho mượn, chứ bà không biết ông Tiền mượn rồi lại cho HTX bao bì X làm tài sản thế chấp để vay tiền ngân hàng. Từ ngày đó đến nay, bà không phải nộp lãi cho NHCSXH huyện P, việc ai nộp lãi thì bà cũng không nắm được. Nay HTX bao bì X phá sản, NHCSXH huyện P có đơn khởi kiện bà là người bảo lãnh cho HTX bao bì X vay một khoản tiền là 255.000.000đ, thì bà đề nghị Tòa án giải quyết buộc HTX bao bì X phải trả khoản tiền trên cho Ngân hàng, vì bà xác định không được tiêu số tiền trên, và cũng không cho HTX bao bì X mượn GCNQSD đất của gia đình bà để thế chấp vay tài sản. bà xác định khi ký biên bản xác định giá trị tài sản bảo đảm cho khoản vay đối với HTX bao bì X; đơn yêu cầu đăng ký thế

chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thì chỉ có một mình bà ký, còn chồng bà là ông Bùi Văn D không ký, vì lúc đó ông D không có nhà, ông D đã bỏ mẹ con bà đi sống với người đàn bà khác.

- **Theo ông Dương Văn B khai:** Do anh ruột của ông là ông Dương Văn T, sinh năm 1962; trú tại: Xóm H, xã Xuân P, huyện P, có vào gia đình ông đặt vấn đề bảo lãnh cho anh Tiền vay tiền, còn anh Tiền vay tiền để làm gì thì ông không nắm được. Sau đó ông có đưa GCNQSD đất của gia đình ông cho anh Tiền, đến ngày 26/11/2013 có anh Trần Nhật L và chị Nguyễn Thị H, là cán bộ của Ngân hàng chính sách xã hội huyện P đến gia đình ông lập biên bản xác định giá trị tài sản bảo đảm cho khoản vay của HTX bao bì X. Tài sản bảo đảm cho khoản vay nợ gồm 01 nhà xây cấp 4; 05 thửa đất tại GCNQSD đất số W 946255 ngày 27/12/2002 tên hộ ông (bà) Dương Văn B. Ngày hôm đó ông có ký vào đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ghi ngày 23/12/2013 với cán bộ Ngân hàng chính sách. Việc ông cho ông Tiền mượn GCNQSD đất là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, vì ông Tiền là anh ruột của ông mượn GCNQSD đất thì ông mới cho mượn, chứ ông không biết ông Tiền mượn rồi lại cho HTX bao bì X làm tài sản thế chấp để vay tiền ngân hàng. Từ ngày đó đến nay, ông không phải nộp lãi cho NHCSXH huyện P, việc ai nộp lãi thì ông cũng không nắm được. Nay HTX bao bì X phá sản, NHCSXH huyện P có đơn khởi kiện ông là người bảo lãnh cho HTX bao bì X vay một khoản tiền là 255.000.000đ, thì ông đề nghị Tòa án giải quyết buộc HTX bao bì X phải trả khoản tiền trên cho Ngân hàng, vì ông xác định không được tiêu số tiền trên, và cũng không cho HTX bao bì X mượn GCNQSD đất của gia đình ông để thế chấp vay tài sản. Ông xác định khi ký biên bản xác định giá trị tài sản bảo đảm cho khoản vay đối với HTX bao bì X; đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thì chỉ có một mình ông ký, còn vợ ông là bà Lương Thị L không ký.

- **Theo lời khai của bà Lương Thị L:** Bà với ông Dương Văn B kết hôn năm 2003, sau khi kết hôn bà về sống với ông B tại Xóm H, xã Xuân P, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Nhà đất của ông B đã có từ trước, tuy nhiên sau khi kết hôn ông B có nói với bà là nhà đất trước đây của ông B sẽ được nhập vào làm tài sản chung của hai vợ chồng, đến năm 2016 bà cũng bỏ tiền ra xây dựng thêm với ông B 01 ngôi nhà cấp 4 có diện tích 73,5m² lợp ngói. Năm 2013, bà thấy ông Tiền là anh trai ông B vào mượn GCNQSD đất của gia đình bà, nói là để vay tiền NHCSXH huyện P để làm ăn. Do tin tưởng ông Tiền là anh em ruột thịt với ông B, nên vợ chồng bà đã

cho ông Tiền mượn GCNQSD đất. Ngày 26/11/2013, có hai anh chị cán bộ nói là cán bộ của Ngân hàng chính sách xã hội huyện P đến gia đình bà, lập biên bản xác định giá trị tài sản bảo đảm cho khoản vay của HTX bao bì X. Ngày hôm đó chỉ có ông B ký vào đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ghi ngày 23/12/2013 với cán bộ Ngân hàng chính sách, còn bà không được ký vào các giấy tờ do cán bộ NHCSXH huyện P lập, lý do vì sao họ không đưa cho bà ký thì bà không nắm được. Nay NHCSXH huyện P làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông B là người bảo lãnh cho khoản vay của HTX bao bì X thì bà không đồng ý, vì trong khối tài sản nhà đất của ông B, có cả tài sản của bà ở trong đó, việc ông B tự ý ký giấy tờ bảo lãnh cho khoản vay của HTX bao bì X mà không hỏi ý kiến của bà, cũng như không bàn bạc với bà là sai quy định. Bà yêu cầu Tòa án phải buộc ông Hồ Đình X- Chủ nhiệm HTX bao bì X, phải có trách nhiệm trả cho NHCSXH huyện P số tiền 145.000.000đ tiền gốc và lãi suất.

Toà án đã tiến hành hoà giải nhưng không thành, nên Toà án phải đưa vụ án ra xét xử công khai ngày hôm nay.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P phát biểu quan điểm đối với vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán; Hội đồng xét xử; thư ký tòa án: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tuy nhiên vụ án có vi phạm về thời hạn xét xử.

- Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71, 72 và Điều 234 của Bộ Luật tố tụng dân sự. Thẩm phán giải quyết vụ án đã tiến hành giao các Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp công khai việc giao nộp, tiếp cận công khai tài liệu, chứng cứ và tiến hành phiên hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử đối với các bên đương sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án của Viện Kiểm sát nhân dân huyện P: Chấp nhận đơn khởi kiện của NHCSXH huyện P đối với người bảo lãnh là bà Dương Thị Tiền và ông Dương Văn B.

- Buộc bà Tiền phải trả cho NHCSXH huyện P số tiền gốc là 56.870.000đ và lãi suất .

- Buộc ông B phải trả cho NHCSXH huyện P số tiền gốc là 88.130.000đ và lãi suất.

- Án phí: Các đương sự phải nộp án phí DSST theo quy định của pháp luật.
Sau nghe các đương sự trình bày tại phiên toà, sau khi quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về thủ tục tố tụng: Trong vụ án này NHCSXH huyện P là nguyên đơn; HTX bao bì X là bị đơn, Tòa án đã báo gọi ông Hồ Đình X là người đại diện theo pháp luật đến Tòa án để giải quyết vụ án, nhưng ông Xuân không có mặt tại địa phương. Tòa án đã làm thủ tục nhắc tìm ông Xuân theo thủ tục “ Nhắc tìm người vắng mặt tại nơi cư trú” đối với ông Xuân. Hết thời hạn nhắc tìm, ông Xuân không có mặt tại địa phương nên HĐXX đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Dương Văn B, bà Dương Thị T, bà Lương Thị L, ông Bùi Văn D.

[2]. Về nội dung: Đây là vụ kiện tranh chấp hợp đồng kinh doanh thương mại dưới hình thức bảo lãnh để vay tài sản theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015.

[3]. Về tài liệu chứng cứ: Do NHCSXH huyện P nộp: 01 đơn khởi kiện của NHCSXH huyện P đối với HTX bao bì X và đối với ông Dương Văn B, bà Dương Thị Tiên; 02 HĐ thế chấp bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người thứ ba số 1101 và 1102 ngày 20/12/2013 của hộ bà Dương Thị T, ông Dương Văn B (Hợp đồng bảo lãnh gồm GCNQSD đất của hộ bà Tiên, gia đình ông B; sổ hộ khẩu của gia đình bà Tiên, gia đình ông B); 01 hồ sơ dự án vay vốn quỹ quốc gia giải quyết việc làm của HTT bao bì X; các tài liệu về việc đơn đốc nợ gốc, lãi suất của NHCSXH huyện P với HTX bao bì X; Giấy ủy quyền.

[4]. Xuất phát từ việc vay vốn để mở rộng nhà xưởng, đầu tư cho sản xuất của HTX bao bì X, huyện P. Nên ngày 19/12/2013, tại NHCSXH huyện P, đại diện HTX bao bì X với NHCSXH huyện P đã lập hợp đồng tín dụng số 9000/HĐ – TD, cụ thể: HTX bao bì X vay của NHCSXH huyện P số tiền 255.000.000đ, lãi suất cho vay là 0,65%/tháng, lãi suất quá hạn là 0,845%/tháng, thời hạn thanh toán vào ngày 20/11/2016. Hình thức bảo đảm cho khoản tiền vay là thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, cụ thể:

- Tại hợp đồng số 1101 ngày 20/12/2013 và đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 23/12/2013: Thế chấp bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người thứ ba giữa bà Dương Thị T với NHCSXH huyện P, với hình thức bảo lãnh cho HTX bao bì X vay một khoản tiền là

100.000.000đ. Tài sản bảo lãnh của bà Tiến cho khoản vay của HTX bao bì Xuân Phường gồm 01 nhà cấp 4; 999m² đất ở tại nông thôn và đất nông nghiệp tại các thửa số 422, 77, 336, 341 thuộc tờ bản đồ số 14, bản đồ địa chính xã Xuân P.

- Tại hợp đồng số 1102 ngày 20/12/2013 và đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 23/12/2013: Thế chấp bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người thứ ba giữa ông Dương Văn B với NHCSXH huyện P, với hình thức bảo lãnh cho HTX bao bì X vay một khoản tiền là 155.000.000đ. Tài sản bảo lãnh của ông B cho khoản vay của HTX bao bì Xuân Phường gồm 01 nhà cấp 4; 5098 m² đất vườn tạp và đất nông nghiệp tại các thửa số 502, 585, 583, 337, 541 thuộc tờ bản đồ số 14, 16, 8 bản đồ địa chính xã Xuân P.

Tại phiếu chi số tham chiếu: CTSF 241213733154 ngày 24/12/2013 của NHCSXH huyện P, thể hiện ông Hồ Đình X đã ký nhận 255.000.000đ tiền gốc từ NHCSXH huyện P.

Sau khi vay tiền của NHCSXH huyện P, HTX bao bì X có trả lãi cho ngân hàng được 06 tháng lãi (tính đến ngày 14/3/2016), sau đó HTX bao bì X không trả được lãi suất theo hợp đồng đã ký kết nên ngày 20/7/2016 Ngân hàng đã chuyển số nợ 255.000.000đ thành nợ quá hạn. Đến ngày 27/11/2017, HTX bao bì X đã bán thanh lý nhà xưởng, trả được cho NHCSXH huyện P được 100.000.000đ, còn nợ lại 145.000.000đ tiền gốc và lãi suất phát sinh, từ thời gian đó đến nay NHCSXH huyện P đã đơn đốc nợ đối với HTX bao bì X, cùng với người bảo lãnh cho khoản vay là bà Dương Thị T, ông Dương Văn B. Nhưng bà Tiến, ông B không nhất trí trả số tiền trên cho Ngân hàng.

Hội đồng xét xử xác định khoản vay của HTX Bao bì X, đã vi phạm về thời hạn trả tiền gốc và lãi theo mục 1.5 Điều 1 của hợp đồng tín dụng số 9000 ngày 19/12/2013, do đó cần phải buộc HTX bao bì X phải có nghĩa vụ trả cho NHCSXH huyện P số tiền gốc còn lại là 145.000.000đ và lãi phát sinh. Nhưng hiện nay HTX bao bì X đã dừng hoạt động sản xuất từ năm 2016, đại diện của HTX bao bì X là ông Hồ Đình X không có mặt tại địa phương. Nên không thể buộc HTX bao bì X trả nợ cho Ngân hàng được.

Đối với khoản vay của HTX bao bì X được bảo lãnh bằng tài sản nhà đất của hộ bà Dương Thị T, ông Dương Văn B tại Xóm H, xã Xuân P, huyện P đã được thể hiện tại Điều 7, 8 tại hợp đồng tín dụng số 1101 và 1102 ngày 20/12/2013 giữa bên A là NHCSXH huyện P, với bên B là bà Dương Thị T, ông Dương Văn B. Nên HĐXX căn cứ vào các quy định của BLDS 2015; Chương IV, Nghị định

163/2006/NĐ – CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ. Buộc bà Dương Thị T, ông Dương Văn B phải có trách nhiệm trả cho NHCSXH huyện P, cụ thể:

- Bà Dương Thị T phải có trách nhiệm trả cho NHCSXH huyện P số tiền gốc 56.870.000đ (bằng 39,22% của số tiền vay) và lãi suất.

- Ông Dương Văn B phải có trách nhiệm trả cho NHCSXH huyện P số tiền gốc 88.130.000đ (bằng 60,78% của số tiền vay) và lãi suất.

Tại phiên tòa, đại diện cho NHCSXH huyện P đề nghị Tòa án tính lãi suất theo biên bản hòa giải ngày 03/10/2019, cụ thể:

- Bà Dương Thị T phải có trách nhiệm trả cho NHCSXH huyện P số tiền gốc 56.870.000đ (bằng 39,22% của số tiền vay) và lãi suất là 16.720.000đ. Tổng cộng là 73.590.000đ.

- Ông Dương Văn B phải có trách nhiệm trả cho NHCSXH huyện P số tiền gốc 88.130.000đ (bằng 60,78% của số tiền vay) và lãi suất là 25.912.000đ. Tổng cộng là 114.043.000đ.

Bà Tiến, ông B có quyền khởi kiện HTX bao bì X, để đòi lại số tiền đã trả thay cho HTX bao bì X bằng một vụ án dân sự khác khi có đơn khởi kiện tại Tòa án.

[5]. Về việc ông Dương Văn B, bà Dương Thị T xác định trong hợp đồng thế chấp bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người thứ ba số 1101, 1102 ngày 20/12/2013 đối với NHCSXH huyện P, không có chữ ký của bà Lương Thị L (vợ ông Biên), của ông Bùi Văn D(chồng bà Tiến) là sai so với quy định của pháp luật. Ông B, bà Tiến đề nghị Tòa án xác định hợp đồng số 1101, 1102 ngày 20/12/2013 là hợp đồng vô hiệu. Tòa án nhân dân huyện P đã tiến hành thẩm định, định giá đối với tài sản bảo lãnh gồm nhà đất của ông B (bà Lý); bà Tiến (ông Dũng), đã xác định được, cụ thể:

- Tài sản gồm nhà - đất của ông B thế chấp, bảo lãnh cho HTX bao bì X có tổng giá trị: 288.281.000đ, trong đó phần của ông B được hưởng là ½ khối tài sản có trị giá 144.140.500đ.

- Tài sản gồm nhà - đất của bà Tiến thế chấp, bảo lãnh cho HTX bao bì X có tổng giá trị: 234.039.802đ, trong đó phần của bà Tiến được hưởng là ½ có trị giá 117.019.910đ.

Mặc dù khi ký hợp đồng thế chấp bằng quyền sử dụng đất, và tài sản gắn liền với đất của người thứ ba số 1101, 1102 ngày 20/12/2013 đối với NHCSXH huyện P, không có chữ ký của bà Lương Thị L (vợ ông Biên), của ông Bùi Văn D(chồng

bà Tiến). Nên HĐXX xác định hai hợp đồng này vô hiệu một phần, chỉ buộc ông B, bà Tiến phải trả cho NHCSXH huyện P đối với số tiền mà ông B, bà Tiến được hưởng $\frac{1}{2}$ trong khối tài sản chung của vợ chồng. Đối với khoản tiền còn thiếu, NHCSXH huyện P phải tự chịu trách nhiệm đối với khoản tiền còn thiếu, vì cũng có lỗi một phần khi ký kết hợp đồng với bên bảo lãnh. Tuy nhiên hiện nay số tiền mà ông B, bà Tiến phải trả cho NHCSXH huyện P vẫn nằm trong số tiền mà ông B, bà Tiến được hưởng. Nên HĐXX buộc ông bà có trách nhiệm trả đủ cả tiền gốc + lãi cho Ngân hàng, mà vẫn không ảnh hưởng đến phần tài sản của bà Lương Thị L, ông Bùi Văn Dằm trong khối tài sản chung.

[6]. Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc tiến hành kê biên phát mại tài sản đảm bảo trong trường hợp người bảo lãnh là ông Dương Văn B, và bà Dương Thị T không thanh toán được cho phòng giao dịch NHCS xã hội huyện P thuộc NHCS xã hội Việt Nam gồm: $\frac{1}{2}$ diện tích nhà đất theo GCNQSD đất số vào sổ 01010 cấp ngày 27/12/2002 của hộ ông (bà) Nguyễn Văn B; $\frac{1}{2}$ diện tích nhà đất theo GCNQSD đất số vào sổ 00909 cấp ngày 27/12/2002 của hộ ông (bà) Dương Thị Tiến. Hội đồng xét xử thấy rằng: *Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba phù hợp với các quy định tại Điều 398, 399, 400, 401 của Bộ luật dân sự vì vậy có hiệu lực thi hành đối với các bên.* Do đó, yêu cầu của nguyên đơn được quyền đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành xử lý tài sản thế chấp như đã nêu ở trên là có cơ sở để chấp nhận.

[7]. Lãi suất chậm trả: Do các đương sự không thỏa thuận được lãi suất tại giai đoạn thi hành án. Nên Hội đồng xét xử sẽ áp dụng quy định của Bộ Luật dân sự để giải quyết vụ án.

[8]. Về chi phí tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, NHCSXH huyện P nộp 5.600.000đ để chi phí cho việc thẩm định và định giá tài sản. Tại phiên tòa hôm nay, đại diện NHCSXH huyện P yêu cầu bà Tiến, ông B phải có trách nhiệm trả số tiền trên cho NHCSXH huyện P. Hội đồng xét xử thấy yêu cầu này của Ngân hàng là có căn cứ nên buộc bà Tiến, ông B mỗi người phải trả cho NHCSXH huyện P số tiền là 2.800.000đ.

[9]. Về án phí: Buộc bà Tiến, ông B phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

[10]. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Về áp dụng điều luật: Căn cứ vào các điều 26, 30, 35, 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 463, 335, 336, 342; khoản 2 Điều 357, 468 Bộ Luật dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của phòng giao dịch ngân hàng X huyện P, buộc ông Dương Văn B, bà Dương Thị T phải có trách nhiệm trả nợ cho phòng giao dịch ngân hàng X huyện P số tiền cụ thể:

- Buộc ông Dương Văn B phải có trách nhiệm trả cho phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện P, số tiền gốc là 88.130.000đ, và lãi suất tính đến ngày 03/10/2019 là 25.912.000đ; Tiền chi phí thẩm định, định giá là 2.800.000đ. Tổng cộng là 116.842.000đ.

- Buộc bà Dương Thị T phải có trách nhiệm trả cho phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện P, số tiền gốc 56.870.000đ, và lãi suất tính đến 03/10/2019 là 16.720.000đ; Tiền chi phí thẩm định, định giá là 2.800.000đ. Tổng cộng là 76.390.000đ.

3. Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện P có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông B, bà Tiến không tự nguyện thi hành số tiền trên, thì lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của BLDS; Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự.

4. Trong trường hợp ông Dương Văn B, bà Dương Thị T không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ được cho số tiền nêu trên, thì phòng giao dịch NHCSXH huyện P` có quyền đề nghị Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành xử lý các tài sản đảm bảo sau để thu hồi số nợ còn thiếu gồm: ½ diện tích nhà đất theo GCNQSD đất số vào sổ 01010 cấp ngày 27/12/2002 của hộ ông (bà) Nguyễn Văn B; ½ diện tích nhà đất theo GCNQSD đất số vào sổ 00909 cấp ngày 27/12/2002 của hộ ông (bà) Dương Thị T tại Xóm H, xã Xuân P, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Dương Văn B phải nộp 5.842.000đ án phí DSST; bà Dương Thị T phải nộp 3.819.500đ án phí DSST vào ngân sách nhà nước. Hoàn trả cho phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện P số tiền

4.865.000đ tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P(biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000380 ngày 19/3/2018)

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt hai bên đương sự, báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Thái Nguyên;
- VKS tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện P;
- THA DS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Quang Thái

